

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-PT

Ngày 10-9-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
buộc khai thác cây trên đất và yêu cầu
hủy một phần hồ sơ giao quyền quản
lý rừng và đất trồng rừng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLPT-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc khai thác cây trên đất và yêu cầu hủy một phần hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Thôn Khe D xã, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim M - Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn V (tên gọi khác: Vi Quang V); địa chỉ: Thôn Khe D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lương Thị Hương L- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị V; có mặt.
2. Anh Nguyễn Văn C; vắng mặt.
3. Chị Trần Thị T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Khe D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị T: Ông Nguyễn Văn L, theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2020; có mặt.

4. Bà Bé Thị S; địa chỉ: Thôn Khe D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bé Thị S: Ông Vi Văn V, theo giấy ủy quyền ngày 03/6/2020; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bé Thị S: Bà Lương Thị Hương L- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Vi Đình P; vắng mặt.

6. Chị Chu Thị N; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Khe D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Đình P, chị Chu Thị N: Ông Vi Văn V, theo giấy ủy quyền ngày 18/5/2020; có mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn: Ông Nguyễn Chiến H- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, theo giấy ủy quyền số 935/QĐ-UBND ngày 18/5/2020; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Vi Văn T; có mặt.
2. Ông Hoàng Văn T; có mặt.
3. Ông Lương Văn C; vắng mặt.
4. Ông Hoàng Văn D; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Khe D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- Người kháng cáo: Ông Vi Văn V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7

năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ngày 06/02/1996 hộ gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Đình L, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) với tổng diện tích là 46,2ha, thuộc lô 56 diện tích 28,0 ha và lô 02 diện tích 18,2 ha tại Khe L, thuộc thôn Khe D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình quản lý và sử dụng đất đến năm 2005 gia đình ông đã đăng ký kê khai diện tích khu đất trên để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lương Thị V (vợ của ông) nhưng đến nay vẫn chưa được cấp. Khoảng tháng 02 năm 2013 ông Vi Văn V đã lấn chiếm khoảng 0,95ha thuộc một phần lô đất số 02 và trồng trên diện tích đất đó khoảng 2.000 cây keo, khi gia đình ông Vi Văn V trồng cây keo ông có biết và đã đến nhắc nhở nhưng ông Vi Văn V vẫn cố tình trồng. Do ông Vi Văn V đã trồng cây keo vào toàn bộ diện tích đất và cũng là quan hệ hàng xóm nên ông đồng ý để cho ông Vi Văn V tiếp tục chăm sóc các cây đã trồng cho đến khi các cây đến tuổi khai thác, ông yêu cầu ông Vi Văn V khai thác cây và trả lại đất cho ông. Đến nay các cây keo đã đến tuổi khai thác nên ông yêu cầu ông Vi Văn V phải khai thác toàn bộ số cây keo và trả lại đất cho ông quản lý và sử dụng.

Bị đơn ông Vi Văn V trình bày: Trước năm 1999 khu đất hiện nay đang tranh chấp là nương của cụ Là người thôn Khe D, xã L (cụ L đã chết). Năm 2002 gia đình ông đến khôi phục lại để trồng ngô, đến năm 2006 giữa ông và Ban quản lý dự án rừng đặc dụng Lâm C - Đồng T được ký Hợp đồng giao khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng với diện tích là 11,7ha tại tiểu khu d2; 1; 1 theo hợp đồng số 26/HĐKT ngày 01/01/2006. Năm 2011 ông và ông Nguyễn Văn L được thỏa thuận chỉ ranh giới giữa đất của ông và đất của ông Nguyễn Văn L, sau đó ông tiến hành trồng cây keo trên diện tích đất đã được giao khoán, khoanh nuôi để bảo vệ rừng. Khi ông trồng cây keo ông Nguyễn Văn L có biết nhưng không có ý kiến gì. Nay ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ông khai thác toàn bộ các cây trên đất và trả lại đất cho ông Nguyễn Văn L ông không nhất trí. Ông yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất này và yêu cầu Tòa án hủy một phần hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đã được cấp cho ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị V, anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị T có cùng quan điểm với ý kiến của ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bé Thị S, anh Vi Đình P và chị Chu Thị N có cùng quan điểm với ý kiến của ông Vi Văn V.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ ông Nguyễn Chiến H trình bày: Hộ ông Nguyễn Văn L đã được giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 1996, có đủ hồ sơ theo quy định. Việc ông Vi Văn V yêu cầu hủy một phần hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của ông Nguyễn Văn L là không có căn cứ.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020, kèm mảnh trích đo địa chính số 03 - 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đình Lập thể hiện đất tranh chấp thuộc lô số 02, diện tích là 9.595m² (0,95ha); theo

bản đồ địa chính thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã L, huyện Đ đo đạc năm 2010. Đất tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Đông ranh giới theo đường mòn (đường đất nhỏ) có cạnh dài 138m giáp đất ông Nguyễn Văn L đang sử dụng; Phía Tây giáp khe suối có cạnh dài 163,4m; Phía Nam giáp ranh giới theo khe cạn có cạnh dài 74,5m giáp đất ông Vi Văn T đang sử dụng; Phía Bắc ranh giới theo khe cạn có cạnh dài 64,1m giáp đất ông Nguyễn Văn L.

Về tài sản trên đất: Trên đất tranh chấp có 2.500 cây keo, trong đó cây có đường kính gốc từ trên 5cm - 10cm là 1.125 cây, cây có đường kính gốc từ trên 10cm - 20cm là 1.375 cây.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 10/3/2020 đất tranh chấp trị giá 47.975.000,đồng; giá trị cây trên đất là 117.750.000,đồng. Tổng giá trị đất và cây trên đất là 165.725.000,đồng (một trăm sáu mươi năm triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 202, 203 của Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.
2. Ông Nguyễn Văn L được quản lý và sử dụng 9.595m² đất thuộc một phần lô đất số 02, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 06/02/1996 cho ông Nguyễn Văn L.

Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông ranh giới theo đường mòn (đường đất nhỏ) có cạnh dài 138m giáp đất ông Nguyễn Văn L đang sử dụng;

- Phía Tây giáp khe suối có cạnh dài 163,4m;

- Phía Nam giáp ranh giới theo khe cạn có cạnh dài 74,5m giáp đất ông Vi Văn T đang sử dụng;

- Phía Bắc ranh giới theo khe cạn có cạnh dài 64,1m giáp đất ông Nguyễn Văn L.

(Hiện trạng thửa đất được mô tả theo mảnh trích đo địa chính số 03-2020 ngày 10/3/2020).

3. Buộc ông Vi Văn V phải khai thác toàn bộ 2.500 cây keo trên diện tích đất tranh chấp 9.595m², trong đó cây có đường kính gốc từ trên 5cm – 10cm là 1.125 cây, cây có đường kính gốc từ trên 10cm - 20cm là 1.375 cây để trả lại đất cho ông Nguyễn Văn L.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vi Văn V đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 9.595m² đất thuộc một phần lô đất số 02, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu hủy một phần hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đã cấp cho ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 28/7/2020, bị đơn ông Vi Văn V nộp đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông Vi Văn V được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất (cây trồng trên đất); yêu cầu hủy một phần diện tích đất tranh chấp trong sổ bìa xanh của ông Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn ông Vi Văn V tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; cụ thể ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất 4.295m², thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020, ký hiệu từ điểm 2-1-4-2 và sở hữu toàn bộ số cây trồng trên đất. Ông Vi Văn V được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại 5.300m², thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020, ký hiệu từ điểm 2-3-4-2 và sở hữu toàn bộ số cây trồng trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa thuận đó phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm và ông nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất 4.295m², thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020, ký hiệu từ điểm 2-1-4-2 và sở hữu toàn bộ số cây trồng trên đất. Ông Vi Văn V được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại 5.300m², thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020, ký hiệu từ điểm 2-3-4-2 và sở hữu toàn bộ số cây trồng trên đất.

- Về chi phí tố tụng, án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Vi Văn V nộp trong thời hạn luật định, kháng cáo hợp lệ.

[2] Việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Xét thấy, việc vắng mặt của những người trên được Tòa án triệu tập hợp lệ; đã có lời khai; bản tự khai hoặc đã có văn bản ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Vi Văn V và các yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn ông Vi Văn V đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể các đương sự thỏa thuận như sau: Ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp 4.295m², được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020 ký hiệu từ điểm 2-1-4-2 và sở hữu toàn bộ số cây trồng trên đất. Phần diện tích đất tranh chấp còn lại ông Vi Văn V được quyền quản lý, sử dụng là 5.300m², được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020 ký hiệu từ điểm 2-3-4-2 và sở hữu toàn bộ số cây trồng trên đất.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn L đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trích đo địa chính thửa đất số tiền 6.087.000,đồng. Do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên mỗi bên phải chịu 1/2 số tiền chi phí tố tụng là 3.043.500,đồng; do ông Nguyễn Văn L đã tạm ứng trước số tiền để chi nên buộc ông Vi Văn V có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 3.043.500,đồng (ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

[5] Về án phí: Do các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa có đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý, có đơn xin miễn án phí. Theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí. Do vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí cho các đương sự.

[6] Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xử án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020

của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể:

Căn cứ vào Điều 202, 203 của Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, 158, 165; 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quyền sử dụng đất: Công nhận sự tự thỏa thuận của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn ông Vi Văn V về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và tài gắn liền với đất, cụ thể: Ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp 4.295m², thể hiện trên mảnh trích đo địa chính địa chính số 03-2020, ký hiệu từ điểm 2-1-4-2 và sở hữu toàn bộ tài sản, cây trồng có trên đất. Phần diện tích đất tranh chấp còn lại ông Vi Văn V được quyền quản lý, sử dụng là 5.300m², thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 03-2020, ký hiệu từ điểm 2-3-4-2 và sở hữu toàn bộ tài sản, cây trồng có trên đất.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

(Hiện trạng thửa đất được mô tả theo mảnh trích đo địa chính số 03-2020 ngày 10/3/2020).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L và ông Vi Văn V mỗi người phải chịu 1/2 số tiền chi phí tố tụng là 3.043.500,đồng; do ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng trước số tiền chi phí tố tụng nên buộc ông Vi Văn V có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 3.043.500,đồng (ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vi Văn V chậm trả tiền thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Vi Văn V và ông L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Đ, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự; người BVQLDS.
- HCTP, KTNV, THA;
- Lưu hồ sơ.

Hồ Đức Châm